

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12-36

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/12/2014
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

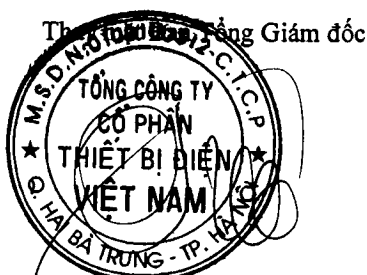
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CÔNG TY TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		966.394.793.356	869.253.233.347
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	328.491.195.250	146.112.536.235
111	1. Tiền		158.485.086.006	76.112.536.235
112	2. Các khoản tương đương tiền		170.006.109.244	70.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	281.282.221.062	346.241.942.442
121	1. Đầu tư ngắn hạn		281.282.221.062	362.851.498.242
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(16.609.555.800)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		275.310.721.548	271.829.144.113
131	1. Phải thu của khách hàng		266.910.356.785	236.747.660.459
132	2. Trả trước cho người bán		13.033.548.054	39.997.133.468
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.616.877.509	6.508.308.116
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.250.060.800)	(11.423.957.930)
140	IV. Hàng tồn kho	6	78.759.122.848	93.739.670.508
141	1. Hàng tồn kho		78.759.122.848	93.739.670.508
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.551.532.648	11.329.940.049
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	2.876.860
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		99.565.297	8.808.884.938
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	9.632.950	671.808.427
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.442.334.401	1.846.369.824
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.142.044.024.226	1.082.480.917.364
220	II. Tài sản cố định		433.519.344.071	323.803.294.394
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	132.062.327.738	153.521.427.391
222	- Nguyên giá		325.154.314.764	322.903.409.547
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(193.091.987.026)	(169.381.982.156)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	13.333.324	33.333.328
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.666.676)	(26.666.672)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	301.443.683.009	170.248.533.675
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	687.008.177.059	737.413.177.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		595.712.034.099	646.117.034.099
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		91.296.142.960	91.296.142.960
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.516.503.096	21.264.445.911
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.450.455.096	21.198.397.911
268	3. Tài sản dài hạn khác		66.048.000	66.048.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.108.438.817.582	1.951.734.150.711

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		437.148.720.020	327.758.084.801
310	I. Nợ ngắn hạn		338.291.110.504	288.658.996.598
312	2. Phải trả người bán		203.571.131.270	212.876.218.434
313	3. Người mua trả tiền trước		3.224.788.793	2.612.200.340
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	24.031.264.051	12.097.843.548
315	5. Phải trả người lao động		30.130.004.009	21.333.947.765
316	6. Chi phí phải trả		388.000.000	334.000.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	59.521.289.746	25.805.746.376
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.424.632.635	13.599.040.135
330	II. Nợ dài hạn		98.857.609.516	39.099.088.203
333	3. Phải trả dài hạn khác		4.697.579.662	1.585.633.992
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		34.139.544.070	32.014.454.211
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		50.765.485.784	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.255.000.000	5.499.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.671.290.097.562	1.623.976.065.910
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	1.670.036.521.349	1.622.503.471.970
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		22.000.000.000	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.500.000.000	4.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		242.561.521.349	223.528.471.970
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.253.576.213	1.472.593.940
432	1. Nguồn kinh phí	17	(1.437.626.564)	1.472.593.940
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.691.202.777	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.108.438.817.582	1.951.734.150.711

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	127.048,24	38.740,46
- Đồng Yên nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

[Signature]

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

[Signature]

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.283.672.651.858	1.194.600.995.419
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	8.151.897.005	4.254.864.127
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.275.520.754.853	1.190.346.131.292
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.045.163.800.334	1.025.565.311.630
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		230.356.954.519	164.780.819.662
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	152.197.783.442	173.588.543.336
22	7. Chi phí tài chính	23	(13.858.669.689)	5.865.103.184
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		194.258.129	3.636.217.090
24	8. Chi phí bán hàng	24	33.191.081.912	26.975.626.448
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	55.271.429.545	50.665.844.850
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		307.950.896.193	254.862.788.516
31	11. Thu nhập khác	26	4.250.604.698	44.654.148
32	12. Chi phí khác	27	40.716.704.426	684.118.739
40	13. Lợi nhuận khác		(36.466.099.728)	(639.464.591)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		271.484.796.465	254.223.323.925
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	40.451.747.086	33.585.645.566
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		231.033.049.379	220.637.678.359


Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởngNguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.429.704.726.236	1.180.856.127.529
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.167.105.470.075)	(981.411.559.152)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(59.500.110.584)	(54.462.509.886)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(194.258.129)	(3.636.217.090)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(28.979.831.009)	(34.109.537.915)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.009.489.169	42.204.763.085
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(71.620.794.395)	(203.232.296.363)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		114.313.751.213	(53.791.229.792)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(56.481.682.118)	(126.439.650.378)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.442.283.547	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.661.479.020)	(117.385.120.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000.000	266.952.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(70.061.229.404)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.517.183.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		155.867.488.911	176.222.192.247
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		234.683.794.320	129.288.392.465
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(5.025.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		14.953.211.660	258.794.023.157
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(14.953.211.660)	(258.794.023.157)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(166.620.730.000)	(286.031.320.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(166.620.730.000)	(291.056.320.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		182.376.815.533	(215.559.157.327)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2014**(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		146.112.536.235	361.672.624.621
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.843.482	(931.059)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>328.491.195.250</u>	<u>146.112.536.235</u>



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2014***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Bắc Ninh	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Tổng Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Trong năm, Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa từ 3% đến 5% trên giá trị hợp đồng.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tính thuế.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.258.930.321	1.453.058.964
Tiền gửi ngân hàng	157.226.155.685	74.659.477.271
Các khoản tương đương tiền	170.006.109.244	70.000.000.000
	<u><u>328.491.195.250</u></u>	<u><u>146.112.536.235</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	281.282.221.062	338.620.742.042
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(16.609.555.800)
	<u><u>281.282.221.062</u></u>	<u><u>346.241.942.442</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-		24.230.756.200
- Công ty CP Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	1.732.091	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾		147.661.751.062		160.000.272.042
Cho vay ngắn hạn ⁽²⁾		133.620.470.000		178.620.470.000
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	95.000.000.000	-	95.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	-	6.000.000.000	-	-
- Công ty CP Khí cụ điện 1	-	5.735.350.000	-	7.735.350.000
- Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	-	-	-	15.000.000.000
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	-	12.385.120.000	-	12.385.120.000
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
- Công ty CP Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	-	1.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng	-	-	-	33.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(16.609.555.800)
		281.282.221.062		346.241.942.442

(1) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty đang giao dịch ở từng thời điểm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.773.881	135.299.438
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	2.329.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.369.210.007	3.478.077.800
Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng	1.000.000.000	-
Phải thu khác	239.893.621	565.144.378
	2.616.877.509	6.508.308.116

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.206.616.003	27.478.661.754
Công cụ, dụng cụ	2.637.759.111	1.058.820.368
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.311.230.912	5.568.373.585
Thành phẩm	52.603.516.822	59.633.814.801
	<u>78.759.122.848</u>	<u>93.739.670.508</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	9.632.950
Thuế Thu nhập cá nhân	-	381.591.477
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	280.584.000
	<u>9.632.950</u>	<u>671.808.427</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.403.780.121	1.807.815.544
Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	16.084.280
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	22.470.000	22.470.000
	<u>2.442.334.401</u>	<u>1.846.369.824</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	190.435.601.011	120.299.744.112	10.369.858.015	1.798.206.409	322.903.409.547
Mua sắm	-	6.534.717.093	31.500.000	-	6.566.217.093
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	894.211.553	-	-	-	894.211.553
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.243.084.000)	(966.439.429)	-	(5.209.523.429)
Tại ngày 31/12/2014	191.329.812.564	122.591.377.205	9.434.918.586	1.798.206.409	325.154.314.764
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	93.819.272.777	67.237.281.611	7.045.167.473	1.280.260.295	169.381.982.156
Trích khấu hao	11.550.726.519	12.162.164.473	1.381.045.727	289.688.240	25.383.624.959
Thanh lý, nhượng bán	-	(707.180.660)	(966.439.429)	-	(1.673.620.089)
Tại ngày 31/12/2014	105.369.999.296	78.692.265.424	7.459.773.771	1.569.948.535	193.091.987.026
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	96.616.328.234	53.062.462.501	3.324.690.542	517.946.114	153.521.427.391
Tại ngày 31/12/2014	85.959.813.268	43.899.111.781	1.975.144.815	228.257.874	132.062.327.738

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 76.449.647.841 đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	60.000.000	60.000.000
Tại ngày 31/12/2014	60.000.000	60.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	26.666.672	26.666.672
Trích khấu hao	20.000.004	20.000.004
Tại ngày 31/12/2014	46.666.676	46.666.676
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	33.333.328	33.333.328
Tại ngày 31/12/2014	13.333.324	13.333.324

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009	170.216.086.250
Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	546.451.273
Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	297.305.468.099	169.669.634.977
Mua sắm tài sản cố định	-	10.394.413
Máy quần dây	-	10.394.413
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	22.053.012
Công Tổng Công ty	-	22.053.012
	301.443.683.009	170.248.533.675

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	595.712.034.099	646.117.034.099
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	220.957.490.174
Công ty CP Thiết bị điện	92.462.038.822	92.462.038.822
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	264.414.733.181
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	5.332.103.750
Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	5.488.477.000	5.488.477.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	27.333.284.404	27.333.284.404
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	91.296.142.960	91.296.142.960
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977
	687.008.177.059	737.413.177.059

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

Trong năm Công ty thực hiện giảm vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, cụ thể:

- Về số lượng: 5.000.000 cổ phiếu
- Về giá trị: 50.405.000.000 đồng

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	792.317.839	1.396.379.108
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	261.480.084	616.609.922
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.001.250.757	11.088.358.801
Chi phí thuê đất	7.786.080.672	7.983.015.636
Chi phí trả trước dài hạn khác	609.325.744	114.034.444
	21.450.455.096	21.198.397.911

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.726.493.271	12.097.843.548
Thuế Thu nhập cá nhân	231.457.860	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	73.312.920	-
	24.031.264.051	12.097.843.548

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	909.187.198	3.771.192.748
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.982.600	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	808.210.000	28.940.000
Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của cán bộ nhân viên	671.294.967	1.133.046.560
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	36.964.348.246	-
Phải trả, phải nộp khác	110.266.735	872.567.068
	59.521.289.746	25.805.746.376

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND	VND		VND		VND		VND
Năm 2013										
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000		-	-		2.000.000.000		179.785.793.611		1.581.785.793.611
Lãi trong năm	-		-	-		-		220.637.678.359		220.637.678.359
Phân phối lợi nhuận	-		-	-		2.000.000.000		(176.895.000.000)		(174.895.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-		(5.025.000.000)	-		-		-		(5.025.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	1.400.000.000.000		(5.025.000.000)	-		4.000.000.000		223.528.471.970		1.622.503.471.970
Năm 2014										
Tại ngày 01/01/2014	1.400.000.000.000		(5.025.000.000)	-		4.000.000.000		223.528.471.970		1.622.503.471.970
Lãi trong năm	-		-	-		-		231.033.049.379		231.033.049.379
Phân phối lợi nhuận	-		-	22.000.000.000		6.500.000.000		(212.000.000.000)		(183.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	1.400.000.000.000		(5.025.000.000)	22.000.000.000		10.500.000.000		242.561.521.349		1.670.036.521.349

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 07/THBDVN/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 04 năm 2014, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%		VND	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%		220.637.678.359	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,97%		22.000.000.000	
Trích Quỹ dự phòng tài chính	2,95%		6.500.000.000	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,80%		15.000.000.000	
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	0,50%		1.100.000.000	
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	75,87%		167.400.000.000	
Lợi nhuận chưa phân phối	3,91%		8.637.678.359	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2014</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước (SCIC)	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,83%	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000
	<u>100%</u>	<u>1.400.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>1.400.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>1.400.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>1.400.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	167.400.000.000	168.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>167.400.000.000</i>	<i>168.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>140.000.000</i>	<i>140.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>139.500.000</i>	<i>139.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng Công ty

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.000.000.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	10.500.000.000	4.000.000.000
	<u>32.500.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	1.472.593.940	5.950.000.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	3.600.000.000	-
Chi sự nghiệp	(6.510.220.504)	(4.477.406.060)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>(1.437.626.564)</u>	<u>1.472.593.940</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	654.609.145.254	531.016.164.066
Doanh thu bán hàng hóa	596.436.045.751	631.023.687.812
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.627.460.853	32.561.143.541
	1.283.672.651.858	1.194.600.995.419

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	8.151.897.005	4.254.864.127
	8.151.897.005	4.254.864.127

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	646.992.323.666	526.899.462.666
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	596.383.495.751	631.010.687.812
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.144.935.436	32.435.980.814
	1.275.520.754.853	1.190.346.131.292

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	438.636.109.661	389.090.437.048
Giá vốn của hàng hóa đã bán	589.205.997.166	622.234.812.096
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.321.693.507	14.240.062.486
	1.045.163.800.334	1.025.565.311.630

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	26.978.035.178	52.461.217.996
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	595.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.450.799.773	121.120.766.760
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	171.074.430	4.614.832
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.874.061	1.943.748
	152.197.783.442	173.588.543.336

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	194.258.129	3.636.217.090
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư ngắn hạn	1.713.573.200	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	571.284.203	371.596.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.030.579	2.874.807
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16.609.555.800)	1.558.881.900
Chi phí tài chính khác	270.740.000	295.533.332
	(13.858.669.689)	5.865.103.184

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	14.251.134.052	11.324.122.105
Chi phí nhân công	975.690.496	470.718.236
Chi phí bảo hành	2.240.120.957	2.988.331.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.372.150.477	10.297.553.835
Chi phí khác bằng tiền	2.351.985.930	1.894.901.017
	33.191.081.912	26.975.626.448

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.128.137.241	6.143.350.851
Chi phí nhân công	21.353.437.286	16.302.141.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.862.719.837	2.377.757.013
Thuế, phí, lệ phí	5.932.796.201	4.421.822.201
Chi phí dự phòng	6.146.690.625	6.259.364.465
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	4.000.000.000	-
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	6.320.587.755	-
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.173.897.130)	6.259.364.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.638.151.675	993.057.056
Chi phí khác bằng tiền	10.209.496.680	14.168.351.459
	55.271.429.545	50.665.844.850

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.062.985.043	-
Thu nhập khác	187.619.655	44.654.148
	4.250.604.698	44.654.148

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	3.535.903.340	-
Chi phí lãi chậm nộp phải trả	36.964.348.246	-
Chi phí khác	216.452.840	684.118.739
	40.716.704.426	684.118.739

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.484.796.465	254.223.323.925
Các khoản điều chỉnh tăng	38.170.727.727	1.240.025.100
- Chi phí không hợp lệ	38.170.727.727	1.240.025.100
Các khoản điều chỉnh giảm	(124.743.717.327)	(121.120.766.760)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(124.450.799.773)	(121.120.766.760)
- Các khoản đã nộp theo BB thanh tra thuế	(292.917.554)	-
Tổng thu nhập tính thuế	184.911.806.865	134.342.582.265
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	40.680.597.510	33.585.645.566
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh giảm của năm 2013 (25%)	(228.850.424)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.451.747.086	33.585.645.566
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	156.733.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.097.843.548	12.621.735.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(28.979.831.009)	(34.109.537.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	23.726.493.271	12.097.843.548

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	384.128.329.377	348.216.148.793
Chi phí nhân công	74.046.192.496	59.839.414.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.403.624.963	25.508.080.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.081.318.263	23.177.347.270
Chi phí khác bằng tiền	27.614.158.901	24.230.979.676
	538.273.624.000	480.971.970.832

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	146.112.536.235	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	269.527.234.294	(7.250.060.800)	243.255.968.575	(11.423.957.930)
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	338.620.742.042	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	24.230.756.200	(16.609.555.800)
	879.300.650.606	(7.250.060.800)	752.220.003.052	(28.033.513.730)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	267.790.000.678	240.267.598.802
Chi phí phải trả	388.000.000	334.000.000
	268.178.000.678	240.601.598.802

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	-	328.491.195.250
Phải thu khách hàng, phải thu khác	262.277.173.494	-	-	262.277.173.494
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	-	281.282.221.062
	<u>872.050.589.806</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>872.050.589.806</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.112.536.235	-	-	146.112.536.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	231.832.010.645	-	-	231.832.010.645
Các khoản cho vay	338.620.742.042	-	-	338.620.742.042
Đầu tư ngắn hạn	7.621.200.400	-	-	7.621.200.400
	<u>724.186.489.322</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>724.186.489.322</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	263.092.421.016	4.697.579.662	-	267.790.000.678
Chi phí phải trả	388.000.000	-	-	388.000.000
	<u>263.480.421.016</u>	<u>4.697.579.662</u>	<u>-</u>	<u>268.178.000.678</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	238.681.964.810	1.585.633.992	-	240.267.598.802
Chi phí phải trả	334.000.000	-	-	334.000.000
	<u>239.015.964.810</u>	<u>1.585.633.992</u>	<u>-</u>	<u>240.601.598.802</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	646.992.323.666	596.383.495.751	32.144.935.436	1.275.520.754.853	-	1.275.520.754.853
Chi phí bộ phận trực tiếp	438.636.109.661	589.205.997.166	17.321.693.507	1.045.163.800.334	-	1.045.163.800.334
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	208.356.214.005	7.177.498.585	14.823.241.929	230.356.954.519	-	230.356.954.519
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	6.566.217.093	-	6.566.217.093
Tài sản bộ phận trực tiếp	171.118.673.231	186.357.820.038	21.564.611.175	379.041.104.444	-	379.041.104.444
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.729.397.713.138	-	1.729.397.713.138
Tổng tài sản	171.118.673.231	186.357.820.038	21.564.611.175	2.108.438.817.582	-	2.108.438.817.582
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	115.625.534.687	132.189.596.599	57.838.398.293	305.653.529.579	-	305.653.529.579
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	131.495.190.441	-	131.495.190.441
Tổng nợ phải trả	115.625.534.687	132.189.596.599	57.838.398.293	437.148.720.020	-	437.148.720.020

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	568.343.486.184	602.855.524.918
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	18.661.045.750	13.321.057.550
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	6.071.904.320	7.976.097.440
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	42.222.892.357	70.104.049.074
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.084.846.000	-
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	12.130.164.443	11.674.452.326
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	37.367.567.400	30.998.023.200
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.936.141.500	3.084.318.500
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	460.799.962	456.436.326
Mua hàng			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	3.848.145.349	11.084.881.760
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	32.748.000	-
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	422.308.000	16.311.122.853
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	68.869.011.594	55.807.662.394
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	16.999.000	227.351.470
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	6.247.720.765
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	524.842.290.810	689.495.349.870
Cho vay vốn			
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	6.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	5.937.500.000	7.243.750.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	-	3.090.895.556
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	1.631.728.250
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	282.833.333	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	432.415.267	521.487.105
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	625.000.000	770.833.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	229.055.556	-
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	(*)	-	47.625.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	774.070.000	818.152.800
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	281.250.000	343.125.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	46.492.983.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	19.548.160.000	15.638.528.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	29.720.250.000	33.893.860.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	816.000.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.470.080.000	3.470.080.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	2.092.717.667	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.086.980.000	2.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	450.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	10.101.140.106	6.965.299.760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	21.557.796.014	75.870.960.286
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	2.001.574.300	3.733.134.702
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.565.800.720	824.230.751
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	15.094.288.769	12.691.702.748
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	756.079.500	255.872.683
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	24.502.388.331	20.345.878.080
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	2.321.965.404	3.640.328.074
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.201.857.600	3.172.101.950
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.803.518.189	11.335.063.865
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	36.022.800	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	5.788.198.376	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	5.457.237
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	110.165.974.693	166.115.015.159
Phải thu vốn cho vay			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	6.000.000.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	5.735.350.000	7.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	15.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	1.662.500.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	175.500.000	-
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	175.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	262.500.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.174.265.563	405.652.800
Phải thu khác			
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	129.586.149	5.964.840
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000

(*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.310.500.000	4.066.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên thuyết minh số 29 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	480.971.970.832	480.971.970.832
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	348.216.148.793	390.842.535.860
Chi phí nhân công	59.839.414.612	33.054.256.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.508.080.481	10.644.931.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.177.347.270	20.965.415.199
Chi phí khác bằng tiền	24.230.979.676	25.464.831.555



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015